

THỰC TRẠNG LỰA CHỌN CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC NHÂN VĂN TRONG LỐI SỐNG CỦA SINH VIÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

Huỳnh Văn Sơn

Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Để nghiên cứu thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, chúng tôi dựa trên kết quả điều tra 873 sinh viên các trường đại học của thành phố.

Chúng tôi đã đưa ra 32 giá trị để sinh viên lựa chọn. Các giá trị được sinh viên đánh giá ở năm mức độ: rất quan trọng, quan trọng, bình thường, không quan trọng và hoàn toàn không quan trọng đối với bản thân.

Phân tích số liệu điều tra ở bảng 1 cho thấy: Nhóm giá trị được sinh viên đánh giá “rất quan trọng” (> 3.5 điểm) trong định hướng lối sống của mình gồm “hiếu thảo” và “tự tin”.

Kết quả trên chứng tỏ giá trị truyền thống trong gia đình, sự *hiếu thảo* của con cái đối với cha mẹ - một giá trị nhân văn rất quan trọng trong đạo lý làm người nói chung và của Việt Nam ta nói riêng vẫn được sinh viên đánh giá ở bậc cao nhất.

Một giá trị khá bất ngờ khi xếp ở đầu bảng kết quả, đó là một giá trị hiện đại: *tự tin*. Điều đó chứng tỏ trong thời đại ngày nay, cái tôi - bản sắc cá nhân rất được sinh viên xem trọng. Một phần nguyên nhân do đây là đặc điểm đặc trưng của tầng lớp trí thức, một phần là do sự ảnh hưởng của cơ chế thị trường khá tự do, sự cạnh tranh giữa các cá nhân đòi hỏi con người phải biết tự tin vào khả năng của mình trong môi trường đó.

* Nhóm giá trị được sinh viên xếp vào mức “quan trọng” (2.5 – 3.49) gồm những giá trị từ giá trị “trung thực” (thứ hạng 3) đến giá trị “hy sinh” (thứ hạng 28) ở bảng 2 (26 giá trị). Như vậy, đa phần các giá trị đều được sinh viên đánh giá là quan trọng trong định hướng cho lối sống của mình. Tuy nhiên, có vài điểm đáng lưu ý:

Bảng 1: Sự lựa chọn các giá trị cụ thể trong định hướng lối sống của sinh viên

Thứ hạng	Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Hiếu thảo	3.71	.616
2	Tự tin	3.52	.645
3	Trung thực	3.45	.699
4	Tự trọng	3.40	.687
5	Chân thành	3.36	.687
6	Sáng tạo	3.32	.751
7	Tôn trọng người khác	3.28	.654
8	Hết lòng vì công việc	3.27	.694
9	Môi trường trong lành	3.25	.839
10	Chung thủy	3.24	.897
11	Lạc quan	3.21	.811
12	Bảo vệ môi trường	3.18	.842
13	Không tàn phá thiên nhiên	3.18	.901
14	Thích ứng	3.15	.797
15	Cần cù, tận tụy trong công việc	3.10	.742
16	Đoàn kết	3.06	.831
17	Biết ơn	3.05	.747
18	Tin cậy nhau	3.04	.769
19	Hợp tác tích cực trong công việc	3.03	.752
20	Truyền thống dân tộc	2.97	.838
21	Can đảm	2.97	.784
22	Công tâm	2.83	.821
23	Đồng cảm	2.82	.862
24	Khoan dung	2.82	.861
25	Vị tha	2.81	.862
26	Khiêm tốn	2.79	.826
27	Vì lợi ích cộng đồng	2.70	.885
28	Hy sinh	2.55	.923
29	Giản dị	2.50	.899
30	Biết chấp nhận người khác	2.41	.914
31	Không thành kiến với người khác	2.37	.914
32	Không gây hấn	2.27	.908

4 = Rất quan trọng; 3 = Quan trọng; 2 = Bình thường; 1 = Không quan trọng;
0 = Hoàn toàn không quan trọng.

- Giá trị “bảo vệ môi trường, không tàn phá thiên nhiên, môi trường trong lành” được xếp lần lượt thứ 9 -12 -13 trong tổng số 32 giá trị và điểm trung bình đều trên 3, kết quả này không thấp. Tuy vậy, ở kết quả khảo sát các giá trị phổ quát, giá trị “tôn trọng môi trường” được xếp gần cuối chót. Điều đó cho thấy *sự lựa chọn giá trị này còn rất dao động trong định hướng giá trị của sinh viên.*

- Giá trị **khiêm tốn** được xếp gần cuối nhóm, trong khi một giá trị khá đối lập là giá trị **tự tin** được xếp ở bậc cao nhất. Như vậy, việc tự tin của sinh viên chưa đi liền với khiêm tốn, đó là một đặc điểm dễ dẫn đến tự cao tự đại, sa vào chủ quan của các sinh viên trẻ.

- Xếp cuối trong nhóm giá trị này là **vì lợi ích cộng đồng và hy sinh** vì người khác chứng tỏ ý thức “mình vì mọi người” của sinh viên còn thấp. Điều đó cũng cho thấy cái tôi của sinh viên vẫn còn rất lớn, lợi ích cá nhân rất có thể được đặt lên trên cả lợi ích chung.

* Nhóm giá trị được xếp vào mức “không quan trọng” (<2.5) bao gồm: biết chấp nhận người khác, không thành kiến với người khác, không gây hấn (bao gồm 3 giá trị - 3 thứ hạng cuối). Những giá trị trên đều là cụ thể hóa của giá trị phổ quát “**hữu nghị - hợp tác**” đã được sinh viên xếp áp chót trong kết quả nghiên cứu ở bảng 2 (sự lựa chọn các giá trị khái quát). Như vậy tinh thần hợp tác, chung sống cùng nhau, làm việc cùng nhau, hòa hợp giữa người và người chưa được sinh viên thấm nhuần và coi trọng. Hơn nữa, ba giá trị cơ sở cho sự hữu nghị - hợp tác, thể hiện sự chấp nhận người khác, là cơ sở để không thành kiến và gây hấn với người khác là “đồng cảm – khoan dung – vị tha” có kết quả thấp càng chứng minh thêm cho nhận định đã nêu. Điều đó càng khẳng định sự cần thiết của việc rèn luyện lối sống hữu nghị hợp tác với nhau cho giới trẻ mà cụ thể là tầng lớp sinh viên ngày nay.

So với kết quả lựa chọn các giá trị đạo đức - nhân văn tổng quát thì sự lựa chọn các giá trị đạo đức - nhân văn cụ thể có sự cách biệt hơn trong việc lựa chọn giữa các giá trị và có những giá trị nổi bật hơn hẳn những giá trị khác, đặc trưng cho lựa chọn của sinh viên. Điều đó có nghĩa là sinh viên dễ dàng đánh giá và lựa chọn các giá trị cụ thể, các giá trị mang tính phương tiện hơn là đánh giá và lựa chọn các giá trị tổng quát, giá trị mang tính mục đích.

Như vậy, trong việc giáo dục giá trị đạo đức - nhân văn cho sinh viên, nhà giáo dục cần giúp sinh viên có “tầm nhìn” xa hơn, bao quát hơn về các giá trị để sinh viên đánh giá và lựa chọn không chỉ dựa trên những “kết quả trước mắt” của giá trị mà còn dựa trên mục đích lâu dài của các giá trị trong định hướng lối sống. Đây mới thực là nhiệm vụ của việc giáo dục giá trị hay giáo dục nhân cách – lối sống của con người nói chung và sinh viên nói riêng.

Nếu so sánh theo từng nhóm giá trị chúng ta có kết quả sau:

Bảng 2: So sánh sự lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống xét theo từng nhóm giá trị dựa trên mối quan hệ của con người

Nhóm	Giá trị	TB
Giá trị trong mối quan hệ với công việc	Sáng tạo; hết lòng vì công việc; thích ứng; cần cù; tận tụy trong công việc	3.21
Giá trị trong mối quan hệ với môi trường	Môi trường trong lành; bảo vệ môi trường; không tàn phá thiên nhiên	3.20
Giá trị trong mối quan hệ với bản thân	Tự tin; tự trọng; lạc quan; can đảm; giản dị	3.12
Giá trị trong mối quan hệ với người khác	Hiếu thảo; trung thực; chân thành; tôn trọng người khác; chung thủy; biết ơn; tin cậy nhau; hợp tác tích cực; công tâm đồng cảm; khoan dung; vị tha; hy sinh; biết chấp nhận người khác; không thành kiến; không gây hấn	2.94
Giá trị trong mối quan hệ với cộng đồng	Đoàn kết; truyền thống dân tộc; vì lợi ích cộng đồng	2.91

Kết quả ở trên cho thấy sự lựa chọn giữa các nhóm giá trị tương đối đồng đều nhau. Tuy nhiên, nổi bật hơn cả là nhóm những giá trị đạo đức - nhân văn thể hiện trong công việc, trong hoạt động, chứng tỏ sinh viên rất quan tâm đến vấn đề này, đặc biệt là giá trị sáng tạo. Trong các đề tài nghiên cứu định hướng giá trị của người Việt Nam nói chung gần đây (gồm nhiều lứa tuổi và tầng lớp), sáng tạo rất ít được chú ý và coi trọng. Tuy nhiên, đối với tầng lớp sinh viên, đây lại là giá trị nổi bật nhất trong số những giá trị đạo đức - nhân văn trong công việc. Điều đó phản ánh sự thích ứng của thế hệ trẻ đối với yêu cầu trong lao động của xã hội ngày nay. Đây cũng là một điểm tạo nên sự khác biệt của sự lựa chọn giá trị của thế hệ sinh viên hiện nay so với thời điểm nghiên cứu trước đó hơn 10 năm và điều này cũng góp phần tạo ra sự khác biệt của đề tài này so với những đề tài trước đó.

Tuy nhiên, nhóm giá trị ít được sinh viên chú ý nhất lại là nhóm giá trị thể hiện trong mối quan hệ với cộng đồng. Xuyên suốt trong các nghiên cứu đã nêu, đây là nhóm giá trị mà sinh viên ít coi trọng nhất. Đó là một thực trạng đáng lo lắng và trăn trở khi thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện phong trào xây dựng nếp sống văn minh đô thị, rất cần những giá trị đạo đức nhân văn thể hiện trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng mà cá nhân đang sống.

Nếu so sánh theo hai nhóm giá trị truyền thống và hiện đại ta thấy: Dù rằng sự phân chia này như cơ sở lý luận của tác giả đã nói chỉ mang tính tương

đối, nhưng với mong muốn đặt tính thời sự của nghiên cứu như một tiêu chí để nhìn nhận về kết quả sự lựa chọn của các giá trị trong định hướng lối sống của sinh viên hiện nay nên sự so sánh trên vẫn có giá trị. Các nghiên cứu gần đây đã khẳng định: đang có sự thay đổi sâu rộng từ các giá trị truyền thống sang các giá trị hiện đại trong định hướng của người dân Việt Nam. Các giá trị kinh tế dần dần giữ vai trò quan trọng hơn trong thang giá trị của mỗi cá nhân, song song đó là nguy cơ suy yếu của hệ thống giá trị đạo đức. Đó là các nghiên cứu nói về các giá trị nói chung. Riêng đối với giá trị đạo đức nhân văn, số liệu trên đã cho thấy một thực trạng: nhìn một cách khái quát nhất, sinh viên vẫn giữ được sự cân bằng trong việc đánh giá tầm quan trọng của các giá trị đạo đức nhân văn truyền thống và các giá trị đạo đức - nhân văn hiện đại trong xã hội và trong định hướng lối sống của mình. Trung bình của hai nhóm giá trị đều bằng nhau và rơi vào mức 3 – “quan trọng”.

Bảng 3: So sánh sự lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống xét theo phân nhóm giá trị truyền thống và hiện đại

Giá trị truyền thống	TB	Giá trị hiện đại	TB
Hiếu thảo, trung thực, tự trọng, chân thành, tôn trọng người khác, chung thủy, lạc quan, thích ứng, đoàn kết, biết ơn, truyền thống dân tộc, can đảm, công tâm, đồng cảm, khoan dung, vị tha, khiêm tốn, hy sinh, giản dị, không gây hấn	3.01	Tự tin, sáng tạo, hết lòng vì công việc, môi trường trong lành, bảo vệ môi trường, không tàn phá thiên nhiên, cần cù, tận tụy trong công việc, tin cậy nhau, hợp tác tích cực trong công việc, vì lợi ích cộng đồng, biết chấp nhận người khác, không thành kiến với người khác	3.03

Như vậy, trong đánh giá của sinh viên đối với các giá trị đạo đức - nhân văn, một mặt sinh viên vẫn lĩnh hội những giá trị đạo đức nhân văn mới xuất hiện, mặt khác sinh viên vẫn nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị đạo đức nhân văn truyền thống tốt đẹp trong bối cảnh ngày nay.

Khi so sánh giữa các nhóm khách thể, chúng tôi nhận thấy sinh viên khối ngành kinh tế đánh giá rất cao sự *tự tin* và *thích ứng* hơn so với các ngành khác, đặc biệt là khối ngành tự nhiên - kỹ thuật. Một khác biệt nổi bật được tìm thấy là sinh viên nhóm ngành khoa học xã hội nhân văn đánh giá rất cao giá trị *vì cộng đồng* và giá trị *truyền thống dân tộc* hơn sinh viên tất cả các khối ngành còn lại. Khi so sánh theo giới, phái nữ tỏ ra rất quan tâm đến những giá trị giao tiếp và ứng xử khéo léo hơn nam giới, như sự *đồng cảm* với nhau, *tôn trọng* lẫn nhau, *không thành kiến* và *không gây hấn*. Điều đó chứng tỏ họ quan trọng sự mềm mại và tình tế trong các mối quan hệ.

Tóm lại, trong việc lựa chọn các giá trị cụ thể, sinh viên chưa quan tâm đúng mức đến các giá trị hướng đến cộng đồng và các giá trị hướng đến một cuộc sống hữu nghị hợp tác với người khác. Ngoài ra, sự lựa chọn của sinh viên còn chưa thống nhất và rất dao động.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi có một vài đề xuất như sau:

Một là, cần xây dựng một mô hình nhân cách chuẩn mực, một thang giá trị chuẩn và rõ ràng để định hướng cho sinh viên, bởi sự định hướng giá trị của sinh viên còn rất dao động và chưa định hình rõ rệt.

Hai là, định hướng thêm cho sinh viên trong việc lựa chọn nhóm giá trị thể hiện trong mối quan hệ với cộng đồng và nhóm giá trị thể hiện trong mối quan hệ với người khác.

Ba là, phải chú ý đến tính cá nhân, “sát đối tượng” trong quá trình định hướng giá trị cho thế hệ trẻ, đặc biệt là tầng lớp sinh viên, bởi đối tượng này có sự lựa chọn các giá trị không thống nhất, theo nhiều hướng khác nhau.

Chú thích

1. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số B 2007.19.27, nghiệm thu ngày 28/2/09.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc (1994), *Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới*, Hà Nội.
2. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa*, hiện đại hóa, NXB CTQG, Hà Nội.
3. Phạm Lăng (1997), *Giáo dục giá trị nhân văn ở trường THCS*, NXB Giáo dục.
4. J.H.Fichter (1973), *Xã hội học*, NXB Sài Gòn.
5. Rokeach.M (1968), *Beliefs, Attitudes and Values*, San Francisco.
6. Tugarinov (1968), *Lý luận giáo dục giá trị trong chủ nghĩa Marx*, Leningrát.